

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2024/DS-ST
Ngày: 21 – 02 – 2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản (tiền)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Cơ.
- Bà Nguyễn Hồng Phụng.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2023/TLST-DS, ngày 15 tháng 12 năm 2023, về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Sơn Thị H.

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt).

- Bị đơn:

- Bà Đinh Thị N, (có mặt);
- Ông Trần Văn T (Trần T), (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là chị Ung Thị K, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Sơn Thị H đều trình bày:

Trong năm 2023, không nhớ vào ngày tháng nào, vợ chồng bà Đinh Thị N

và ông Trần Văn T có vay tiền của bà Sơn Thị H 06 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi triệu đồng), trong đó bà N và ông T mỗi người nhận tiền 03 lần. Khi giao nhận tiền không có biên nhận và không người làm chứng. Sau nhận tiền vốn thì bà N không đóng lãi.

Đến ngày 17-9-2023, bà H với bà N cộng tiền nợ và thống nhất gom chung lại là 90.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 900.000 đồng/ngày; bà N hứa khi nào bán được con bò sẽ trả nợ, nên bà H đồng ý cho bà N vay nợ.

Đến ngày 27-10-2023, bà H yêu cầu bà N trả nợ vốn, không tính lãi, thì vợ chồng bà N, ông T hứa với bà H 01 tháng sau sẽ trả vốn và lãi. Tuy nhiên, bà H không đồng ý nên bà làm đơn yêu cầu Tổ hòa giải ấp P hoà giải nhưng hoà giải không thành.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà N và ông T phải trả cho bà H số tiền vốn 90.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Đinh Thị N trình bày:

Bà Đinh Thị N với bà H có làm ăn qua lại với nhau. Nên vào ngày 17-9-2023 bà N vay của bà H số tiền vốn 90.000.000 đồng, với lãi suất mỗi ngày 900.000 đồng mua bò để tạo thu nhập và trang trải trong gia đình; bà N nhận tiền, còn chồng bà là ông Trần Văn T không có nhận. Bà N đã đóng lãi cho bà H được 5-6 tháng thì bà N thanh toán cho bà H đủ số tiền vốn và lãi tại chợ ấp P. Khi vay tiền cũng như khi thanh toán vốn, lãi đều không có làm biên nhận, không người làm chứng, bà không nhớ chính xác ngày tháng nào. Do đó, bà H khởi kiện cho rằng bà còn nợ 90.000.000 đồng thì bà yêu cầu bà H giao biên nhận nợ. Nếu có thì bà đồng ý thanh toán cho bà H, nếu không có biên nhận thì không thanh toán.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Đinh Thị N. Do nhu cầu mua bò, nhưng không có tiền nên ông với vợ ông là bà Đinh Thị N vay tiền của bà H là 90.000.000 đồng, nhưng chỉ có bà N trực tiếp vay và nhận tiền. Nay ông T yêu cầu bà H giao biên nhận nhận tiền. Nếu có thì ông đồng ý trả nợ, nếu không có thì không thanh toán.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn bà H và ông T trả nợ vay là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà H yêu cầu bị đơn bà N và ông T trả nợ tiền vay nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản (tiền).

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp P, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về việc yêu cầu bị đơn bà N và ông T trả lại tiền vay còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn bà Sơn Thị H, bị đơn bà Đinh Thị N và ông Trần Văn T đều thống nhất là vào năm 2023, bà N vay của bà H số tiền 90.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi triệu đồng), căn cứ vào khoản 2 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2014, Hội đồng xét xử xác định bà N có vay của bà H số tiền 90.000.000 đồng là đúng sự thật.

Tuy nhiên, bà N và ông T thì cho rằng bà N đã trả 90.000.000 đồng, nên không còn nợ. Như vậy, bà N đã thừa nhận là vào năm 2023, bà có vay tiền của bà H tổng cộng là 90.000.000 đồng, lời thừa nhận của bà N được xem là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xác định tiền vốn vay là 90.000.000 đồng.

Việc bà N cho rằng bà đã trả tiền cho bà H, được Hội đồng xét xử xem xét như sau: Bà N trình bày là bà trả bà H 90.000.000 đồng, nhưng bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì: “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó” và tại khoản 4 Điều luật này quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Căn cứ vào quy định này, thì việc bà N cho rằng đã trả nợ cho bà H là không có cơ sở chấp nhận.

Các đương sự đều cho rằng bà N vay tiền của bà H, khi nào bán con bò thì sẽ trả, nhưng sau đó không trả, nên việc vay tiền này là vay không có thời hạn và các bên có thỏa thuận lãi suất. Do đó, hợp đồng vay tiền giữa bà H với bà N là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bà H đã thông báo cho bà N trả tiền và phát sinh tranh chấp, đến nay bà N không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 280, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Bà N và ông T đều cho rằng số tiền bà N vay là để dùng mua bò nhằm phát triển kinh tế hộ gia đình. Đồng thời, ông T cũng thừa nhận số tiền này là do ông với bà N thống nhất vay, bà N là người trực tiếp nhận tiền. Vì vậy, việc bà H yêu cầu ông T cùng trả nợ vay là có cơ sở.

Do đó, có căn cứ xác định nghĩa vụ của bà N đối với bà H thì cần phải buộc ông T cùng liên đới trả nợ cho bà H theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3] Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về lãi suất, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy việc bà H yêu cầu bà N và ông T trả tiền là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc bà N và ông T phải trả cho bà H số tiền vốn còn nợ tổng cộng là 90.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi triệu đồng).

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà N và ông T còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì: “Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”.

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ và bà N, ông T có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như sau: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng (bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Bà H không phải chịu án phí, nên trả lại cho bà H tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 2 Điều 94 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, 288, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị H về việc buộc bị đơn bà Đinh Thị N và ông Trần Văn T (Trần T) trả số tiền vốn vay.

Buộc bị đơn bà Đinh Thị N và ông Trần Văn T (Trần T) trả nợ cho nguyên đơn bà Sơn Thị H số tiền vốn vay là 90.000.000 (bằng chữ: Chín mươi triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án là bà Sơn Thị H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án là bà Đinh Thị N và ông Trần Văn T (Trần T) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền vốn còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Đinh Thị N và ông Trần Văn T (Trần T) phải liên đới chịu án phí 4.500.000 (bằng chữ: Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng.

3.2. Bà Sơn Thị H không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.250.000 (bằng chữ: Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000142 ngày 14-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh